TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THUỶ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THUỶ, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Hùng Hạnh
2. Ông Ngụy Thanh Tuyên

- ***Thư ký phiên toà****: Bà Trịnh Thị Mừng* – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; sinh năm 1982
Bị đơn: Anh Trần Xuân TR; sinh năm 1977
Đều có địa chỉ: Xóm 13, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
Tại phiên tòa: Có mặt chị H, anh Tr vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/8/2019, bản tự khai ngày 05/9/2019 và tại phiên tòa chị Lê Thị H nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Trần Xuân TR tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2001. Sau ngày cưới vợ chồng sống không có hạnh phúc do anh Tr là người ham mê cờ bạc và nghiện ma túy. Chị đã khuyên bảo và đưa anh Trường đi cai nghiện rất nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi và lại còn nghiện nặng thêm. Ba mẹ con chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở từ năm 2007, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn

tình cảm yêu thương và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân TR.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Quỳnh Ch, sinh ngày 01/10/2002 và Trần Minh Ch sinh ngày 07/5/2006 chị có nguyện nhận nuôi 2 con đến tuổi trưởng thành lao động tự lập được và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 cháu Trần Thị Quỳnh Ch và Trần Minh Ch đều bày tỏ nguyện vọng được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Trần Xuân TR; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 13, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Anh Trần Xuân TR (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Xuân TR.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Xuân TR tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Gi, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/12/2001 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Trường nghiện ma túy, không quan tâm chăm lo cho gia đình.Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2007 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Tr, nhưng anh Tr vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết, thể hiện anh Tr không thiết tha đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị H xin ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Quỳnh Ch sinh ngày 01/10/2002 và Trần Minh Ch sinh ngày 07/5/2006. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu hai cháu đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị H nên giao cho chị H tiếp tục nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa: Chị Lê Thị H và anh Trần Xuân TR.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị H tiếp tục nuôi hai con chung là Trần Thị Quỳnh Ch, sinh ngày 01/10/2002 và Trần Minh Ch, sinh ngày 07/5/2006, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai thu số 0000491 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan đã cấp ĐKKH;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Ngọc Lễ